

PHÁP HOA HUYỀN LUẬN

QUYỂN 10

Luận về nghĩa số lần sinh trong phẩm Phân biệt Công đức.

Hỏi: Kinh nói tám lần sinh cho đến một lần sinh, lời này căn cứ vào nghĩa nào?

Đáp: Chú giải Kinh nói: Thể tuổi thọ mầu nhiệm sâu xa, thần, lắng đọng cảnh bật dứt bờ mé đâu lại cảm đến số sinh khác nhau khác nhau! Do cường tâm bất nhất, nên chờ phát cơ có khác cho nên phẩm vị này khác nhau dùng để chỉ bày cho người Hữu Học. Sắc tướng đã hư diệt định có thể tu, nhập giải tâm khai rồi sau mới hợp cho nên nói tám lần sinh bốn lần sinh: bốn ý đồng phát do đây mà ngộ cho nên nói bốn lần sinh ba sinh: Ở nơi tông hóa vật quyết nhờ ba phen thấu đạt cho nên nói ba phen sinh, hai phen sinh: hai pháp môn không hữu sâu xa không hai nên gọi là hai lần sinh. một lần sinh: Căn mầu nhiệm tận nơi một cùng cực nên gọi là một sinh.

Lời bình rằng: Tuổi thọ tuy bật hình ngôn, nhưng ngộ có minh châu. Đã chịu theo thứ lớp dần dần Thập địa sao ngăn ngại dùng số lần sinh lên xuống ư! Kinh đã nói thành thật không nên giải thích quanh co. trộm cho rằng không như vậy, sau sẽ trình bày đầy đủ. Quang Trạch nói trong đây căn cứ phẩm hoặc mà luận, do vô minh trụ địa hoặc chia làm chín phẩm, năng vì chín lần sinh làm nhân, từ Thất địa đến Kim cương là năm vị:

- 1) Thất địa.
- 2) Bát địa.
- 3) Cửu địa.
- 4) Thập địa.
- 5) Kim cương.

Đối bốn vị trước sở trí đều chia làm hai phẩm, Kim cương là một phẩm, hợp thành chín phẩm, một phẩm là một lần sinh, chín phẩm là chín lần sinh. Nếu ở trước Lục địa vọng Kim cương vị đầy đủ chín lần sinh còn lại. Nay trụ Lục địa nghe kinh được nhập Thất địa để đoạn bớt

kia một, chỉ còn lại tám phẩm cho nên còn lại tám lần sinh sẽ đắc Bồ-đề, cũng theo thứ lớp đây đến còn bảy, sáu, năm lần sinh. Nhưng nay đổi tám số trên mà chọn phân nửa cho nên nói bốn lần sinh. Như vậy thứ lớp trừ giảm dần gọi là một lần sinh, ba, hai, một đều tùy số tứ thiên hạ mà trừ nên nói bốn lần sinh cho đến một lần sinh. Cho nên, trong văn kệ tụng dưới lại có bốn, ba, hai như vậy số Bồ-tát nhiều như cát bụi trong tứ thiên hạ tùy số sinh thành Phật tức nghĩa này. Ngoài Nhân trong Thập địa Kim cương là một đời sẽ đắc, thì bốn lần sinh là Bát địa cuối cùng nhập Cửu địa, chuẩn theo phẩm có thể biết.

Lời bình rằng: Nay xin nói rõ về pháp dứt hoặc vì sao Thất, Bát, Cửu, Thập bốn địa này đều dứt hai phẩm hoặc, riêng Kim cương đoạn một phẩm hoặc ư? Suy tìm kinh luận nói Địa dứt hoặc, chưa thấy pháp này nên cũng chẳng dùng. Ấn Sư giải thích: Trong mười hai vị, ba thứ đầu là từ Sơ địa chung đến Thất địa, Triền Đà-la-ni là Bát địa, xoay bánh xe Bát thoái là Cửu địa. Xoay bánh xe pháp thanh tịnh là Thập địa. Lại tám lần sinh kia từ Sơ địa đến Lục địa. Bốn lần sinh kia từ Thất địa đến tâm cuối; ba lần sinh là Bát địa, hai lần sinh là Cửu địa, một lần sinh là Thập địa, cũng căn cứ hoặc để nói số sinh. Nghĩa là tứ trụ Địa hoặc gọi là lần thứ tư sinh, tập khí là lần thứ năm sinh, ba vô tri tức ba phẩm là lần thứ ba sinh; đều là tám phần làm tám lần sinh, cho nên đối với kia thứ lớp địa vị như trước đã trình bày.

Lời bình rằng: Ấn Sư giải thích là hai vòng nói nghĩa Thập địa được lợi ích. Từ ba vị đầu đến bánh xe pháp Thanh Tịnh đây là một vòng nói Thập địa được lợi ích. Từ tám lần sinh đến một lần lại một vòng nói Thập địa được lợi ích. Chỉ vì trước y cứ sở đắc sau y cứ sở ly cho nên có hai vòng mà ý không khác. Nay cho rằng văn quá phiền phức, vì sao? Vì Thập địa được lợi ích đã không khác chỉ nêu một là tiện đủ đâu nhọc lặp lại ư! Thí như đã nói Tiểu thừa đắc pháp nhân tịnh là một vị sau nói xa lìa bụi nhơ lại là một vị, nghĩa thật rối rắm. Có người nói lúc mới phát tâm tức là ngoại phàm, Bồ-tát Thập tín Thiết luân vị đây từ ngoại phàm nghe kinh nhập Thập tín, kế từ Thập tín nghe kinh tiến nhập Thập trụ; Thập trụ tức là Vô sinh pháp nhẫn, cho nên nói nhập lý Tam-muội gọi là Trụ, sinh công đức gọi là Địa. Kế là Thập trụ nghe kinh tiến nhập nhập Thập hạnh, Thập hạnh nghe mười phương Phật nói tất cả giáo năng trì tức là Văn trì Đà-la-ni. Thập hạnh nghe kinh tiến đến Thập hồi hương nhạo nói biện tài. Hồi hương là năng hồi sự, hướng đạo. Kế là từ Thập hồi hương tiến nhập Sơ địa, nhập Sơ địa cho nên năng vô ngại, do vô ngại hành nên trăm pháp minh môn hoàn

toàn chuyển gọi là Triền Đà-la-ni. Kế là Bất thoái là Nhị địa thanh tịnh là một địa, Bất sinh là tứ địa. Trong đây nói sinh là liễu pháp thật tướng vô sinh cho nên năng phát sinh; đây là chánh quán khai phát nên gọi là sinh. Chẳng phải số lần thân được gần hoặc xa Phật nên gọi là sinh.

Hỏi: Đã nói chánh quán khai phát gọi là sinh, vì sao có số sinh ư? Đây là đối với địa vị Phật mà chánh quán còn có tám lỗi, khai phát sinh cho nên nói tám lần sinh. bốn lần sinh: Từ Tứ địa khởi đến Bát địa. ba lần sinh: là Cửu địa. hai lần sinh là Thập địa. một lần sinh là Đẳng giác địa. Trong đó đắc ngộ không định, cho nên từ Tứ địa đến Bát địa không hẳn nhất nhất theo thứ lớp.

Lời bình rằng: Đây giải thích tựa như thứ lớp nhưng chưa liễu ràng ý này, vì sao? Vì ba địa đầu không nói sinh, từ Tứ địa trở lên mới nói sinh ư? Nếu từ chân quán khai phát làm sinh thì từ lúc mới Sơ địa đến cuối cùng Pháp vân đều nên vậy. Lại kinh luận may có văn nói về số sinh vì sao không y theo? Nay kiểm chứng kinh luận có nói hai thứ sinh: Kinh Tịnh Danh nói: Nhất sinh đắc Bồ-đề. Thích luận nói ba lần sinh đắc Bồ-đề. Đây là căn cứ ứng thân thành Phật mà số sinh có nghĩa nhiều ít, như Di-lặc vừa là ba lần sinh vừa là một lần sinh. Ba lần sinh tức là nhân gian, kế sinh lên cõi trời, sau sinh xuống thành Phật. Một lần sinh là căn cứ lần sinh cuối cùng. Hoặc nói chấp sinh lên cõi trời là một lần sinh, xuống sinh thành Phật chính là chỉ thân Phật. Kế là nói sinh: Kinh Nhân Vương nói: 30 lần sinh công đức mỗi địa ba lần sinh, lúc mới thấy đây nói rằng do nghi kinh không đủ để làm chứng, sau thấy Địa luận nói: Mỗi một địa đều có ba phần nhập trụ. Lại thấy Nhiếp Đại Thừa luận nói cũng đồng Địa luận nói. Lại nói một địa ba a-tăng-kỳ kiếp, nhập phần một tăng kỳ kiếp, Trụ mãn cũng như vậy. Qua đây xét thấy thì trong mỗi một địa có ba lần sinh, chỉ trước căn cứ ứng thân sau nói thực hành. Nay dùng hai văn này để thông trên nói: Nếu y cứ ứng thân thành Phật mà nói tám lần sinh, tức tám lần thọ sinh, cho đến một lần sinh mà đắc Bồ-đề, như Di-lặc một lần sinh đắc thành Phật. Kế là căn cứ thực hành thông: Thập địa đã có ba mươi lần sinh nay nói tám lần sinh được thành Phật thì hai mươi hai lần sinh đã mãn, chỉ tám lần sinh còn lại, người này đã là nhập phần Bát địa, cho đến một lần sinh đây là trụ phần Thập địa còn có một lần sinh mãn phần nữa thôi! Cho nên Kinh Nhân Vương giải thích: Bồ-tát Thập địa nói hai mươi chín lần sinh vĩnh xa đã vượt qua.

Hỏi: Đến Thập địa mãn thì cũng là Thập địa vì sao nói liền được thành Phật ư?

Đáp: Thật địa mẫn ngồỉ đạo tràng cho nên được thành Phật.

Hỏi: Căn cứ nghĩa sau làm sao dứt hoặc ư?

Đáp: Luận Nhiếp Đại Thừa nói: Trong mỗi địa có đủ ba phẩm hoặc thượng trung hạ tức dùng ba phần nhập, trụ, mẫn trị nên gọi là đoạn.

Hỏi: luận Nhiếp Đại Thừa nói: một địa trải qua ba tăng kỳ hành hạnh, vì sao một phen nghe kinh từ tám lần sinh đến bốn lần sinh ư?

Đáp: Luận kia nói mỗi một địa trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp đây là căn cứ sự lâu dài kia. Lại có nghĩa siêu sinh thì bất định, như đức Thích-ca siêu vượt đức Di-lặc, v.v... Lại kinh này chỉ nói tám lần sinh được thành Phật cho đến bốn lần sinh được thành Phật không nói vì sao từ tám lần sinh trải qua được đến bốn lần sinh!

Hỏi: Xin chỉ bày tướng kia như thế nào?

Đáp: một tăng kỳ kiếp tu hành mới được phần nhập, nay nhờ nghe kinh nên hoặc có thể giảm bớt một tăng kỳ kiếp, nghĩa ấy bất định có thể dùng ý biết.

Hỏi: Căn cứ nghĩa sinh thông suốt đâu được từ tám lần sinh cho đến bốn lần sinh ư?

Đáp: Như căn bản người tám lần sinh sẽ được Bồ-đề nay nhờ nghe kinh siêu vượt bốn lần sinh liền được thành Phật, như nghĩa Đức Thích-ca siêu vượt Di-lặc, theo lệ có thể biết.

Hỏi: Di-lặc một lần sinh được thành Phật, đã là vị Thập địa thì tám lần sinh được thành Phật lại là địa vị của người nào ư?

Đáp: Cũng là Thập địa, nhưng Thập địa ấy cách Phật còn xa, trong số kiếp đó còn dài có thể có đến tám lần sinh. Như Nhiếp Đại Thừa luận nói chỉ nhờ nghe kinh cho nên siêu vượt kiếp số mau đến quả Phật.

Sau thấy luận Pháp Hoa nói: tám lần sinh một lần sinh đắc Bồ-đề đây là nói Sơ địa, vì Bồ-đề ấy là tám lần sinh đắc nhập Sơ địa cho đến một lần sinh đắc nhập Sơ địa. Sơ địa là phần đoạn nên nói Bồ-đề mà chẳng phải Phật Bồ-đề.

Luận về nghĩa đắc đạo nhiều ít. Hỏi: Từ vườn Nai trở về trước. Song Thọ về sau chưa có đắc đạo, như hội Pháp Hoa vì sao như vậy ư! Xin giải thích rõ?

Đáp: Lược căn cứ hai nghĩa nói:

1) Kinh này nói nghĩa ba phen dẫn: một đời giáo hóa từ đầu đến cuối chỉ có ba phen dẫn đến nơi Pháp Hoa ba phen dẫn rất ráo:

a) Vườn Nai về sau trước Pháp Hoa, dẫn chín mười sáu thứ ngoại

đạo và tất cả chúng sinh, đều nhập năm thừa giáo gọi là dẫn tà qui chánh.

b) Dẫn năm thừa khác nhau đồng qui Nhất thừa tức là đoạn đầu của Pháp Hoa.

c) Dẫn nhân Nhất thừa nhập quả Như Lai pháp thân gọi là đoạn thứ hai. Ba phen dẫn đây thu nhiếp tất cả giáo, do nghĩa này cho nên dự liệu có nhiều người ứng ngộ đều nhờ kinh này mà đắc đạo.

Hỏi: Ba phen đây dẫn những người nào ư? Đều là hạng người do nhân đời trước đã từng tu tập hiểu kinh lãnh giáo chỉ là đức Thích-ca thấy chúng sinh kia đạo duyên thích ứng thuận thực nên xuất thế, cho nên lần đầu dẫn tà qui chánh cho đến sau cùng dẫn nhân đắc quả cho nên có tám lần sinh cho đến chứng đắc quả Phật.

Hỏi: ba lần dẫn vì một người hay vì ba người ư?

Đáp: Đủ cả hai nghĩa: a) Nói một người: Đời trước tu tập hiểu kinh lãnh giáo, chỉ vì thất lạc cha rong ruổi trong vòng sinh tử, hoặc tại gia mà ái năm dục, hoặc rơi vào ngoại đạo mà khởi các kiến, vì muốn họ dứt bỏ ái kiến nên dẫn tà qui về năm thừa. b) Tuy ở trong sinh tử không khởi ái kiến mà đối với năm thừa lại khởi ái kiến, vì dứt bỏ ái kiến trong năm thừa cho nên nói nhân thừa. Đây liền được tin ngộ phát tâm Bồ-đề gọi là vị nhân. Tín tâm đã thành kế là nói quả đức, có vô phương đại dụng khiến cho họ trải qua địa vị tu nhân cầu quả đức đây, vì vậy cho nên thứ ba dẫn nhân qui tựu quả. Người này đối với ba phen dẫn phá ba thứ phiền não nên lúc mới phá phiền não trong sinh tử, thứ hai phá phiền não trong Niết-bàn. Lại lúc mới dẫn phá phiền não trong tà pháp, kế dẫn phá phiền não trong chánh pháp. Lại lúc mới phá phàm phu phiền não kế phá phiền não của Nhị thừa. Lại lúc mới dẫn phá hữu kiến kế phá không kiến. Các thứ như vậy đều là phá hai bên phiền não, rồi sau đắc Trung đạo chánh tín phát tâm Bồ-đề. Thứ ba dẫn nói rộng pháp thân Như Lai tịch nhiên vô phương diệu dụng phá phiền não vi tế ở Trung đạo kia. Nay từ tThập tín nhập Thập trụ, từ Thập trụ nhập Thập hạnh, từ Thập hạnh nhập Thập hồi hương, từ Thập hồi hương nhập Thập địa cho đến tám lần sinh một lần sinh được thành Phật đều là phá phiền não trung đạo trừ hoặc Nhất thừa. Đây đều là căn cứ người Ba thừa từ đầu đến cuối cho nên khai đây ba phen dẫn.

Kế là dẫn hàng Bồ-tát: Trước Pháp Hoa đã phát tâm cầu Phật nghe lần hai gom ba về một không còn Nhị thừa thì tâm cầu Phật vững chắc, vì vậy nên nói Bồ-tát nghe pháp ấy lười nghi đều đã trừ. Nghe dẫn lần thứ ba trải qua các vị bước lên đạo Vô thượng. Đây căn cứ từ

đầu thực hành Hạnh Bồ-tát có ba điều này. Kế là nói trước Pháp Hoa đã đắc ngộ vô sinh: Thọ ký thành Phật như trước nói: Có Phật tử tâm tịnh, v. v... cho đến ta thọ ký cho người ấy đời sau được thành Phật, nghe Pháp Hoa hai phen dẫn lại tinh tấn tu hành cho nên có được người nghe, giữ gìn, ưa nói cho đến tám lần sinh một lần sinh. Đây lược nêu ba người để chỉ bày đại khái không thể quanh co chỉ hết, do kinh này nói đầy đủ ba phen dẫn cho nên người đắc đạo nhiều.

2) Chư Phật hóa vật chỉ có hai môn: a) Hình. b) Giáo. Mỗi đều có hai: a) Phương Tiện. b) Chân thật. Trước chưa khai hai phương tiện hiển hai chân thật cho nên đắc đạo ít. Nay bỏ hai quyền, bày hai thật cho nên người đắc đạo đều ở Pháp Hoa.

Hỏi: Đắc đạo phải là thấy Không vì sao nghe nói tuổi thọ mà đắc đạo ư?

Đáp: Dùng đây trách chấp, vô thường Phật thì ngôn từ, lý lẽ đều chịu khuất, nói Phật vẫn là vô thường làm sao thấy vô thường mà đắc đạo ư? Lại vô thường còn chưa liễu nghĩa làm sao nghe chưa liễu nghĩa mà được giải liễu ư! Lại vô thường còn không thể khiến phàm phu kính mến Nhị thừa xả bỏ chấp được, đâu thể khiến Bồ-tát mau chứng Bồ-đề.

Lại nếu Đức Phật là vô thường, đã tin Nhất thừa thì lại thoái khỏi chấp Ba thừa vì sao còn tiến đắc Bồ-đề vì vậy cho nên lẽ ra không đắc đạo. Phần nhiều nay nói kinh này gọi là Diệu Pháp Liên Hoa; Diệu Pháp tức là Pháp thân, chưa biểu thường và vô thường, ngôn từ cùng tận bật dứt tư duy. Vả lại vì chúng sinh cho nên dài ngắn thích hợp cơ duyên, tuy thị hiện dài ngắn mà pháp thân bất động, tuy pháp thân bất động mà hóa vật có dài ngắn. Do đó kinh chép: Lành thay đức Thế Tôn! Bất động chân tế vì các pháp mà lập xứ, bản tích như thế không có chướng ngại, không thể nghĩ bàn. Chỉ quả địa có hai thân bản, tích, trong nhân gọi là hai tuệ quyền thật, Như Lai đã nói hai thân, Bồ-tát liền ngộ hai tuệ vì vậy thời hợp đều đắc đạo.

Hỏi: Làm sao đắc vô sinh cho đến phát tâm Bồ-đề ư?

Đáp: Văn đã nói, nay bày một thế đã nói thân vắng lặng cho nên người nghe không còn sinh tâm động niệm, nên gọi Vô sinh nhẫn.

Bản tuy thùy tích mà thật không có thùy, tuy không có thùy mà không chỗ nào là không thùy, hợp thời tức đồng, tuy nghe mà không có nghe gì, tuy không nghe gì mà không chỗ nào không nghe cho nên gọi Văn trì Đà-la-ni. Ngày trước thị hiện ngắn ngày nay thị hiện dài đều là thích ứng cơ duyên, nên gọi là nhạo nói, ngắn dài tự tại nên gọi là vô

ngại, vì muôn vật trình bày gọi là biện tài, hợp thời được ngộ đây gọi là nhạo nói vô ngại biện tài. Trước chỉ dài làm ngắn nay chỉ ngắn làm dài, tức dùng dài ngắn làm chẳng dài ngắn, chẳng dài ngắn làm dài ngắn tự do xoay vần tự tại vô ngại. Bồ-tát tùy phần đặc ngộ gọi là Triền Đà-la-ni, thân tự do tự tại như thế không thể phá hoại, Bồ-tát tùy phần đặc giải gọi là Bất thoái chuyển. Thân này vượt trên tất cả phàm phu Nhị thừa, Bồ-tát rốt ráo thanh tịnh, Bồ-tát tùy phần ngộ giải gọi là thanh tịnh luân, vì tâm như thế phát tâm cầu Phật gọi là tâm Bồ-đề.

Kế là nói nghĩa tùy hỷ. Hỏi: tùy hỷ có mấy thứ? Đáp: Tùy hỷ có hai thứ:

1) Tùy hỷ chung: nghĩa là hoặc thấy hoặc nghe hoặc giác hoặc biết người khác làm phước đều thuận theo mà vui mừng gọi là tùy hỷ chung.

2) Tùy hỷ riêng: lại căn cứ nghe Kinh Pháp Hoa tùy thuận mà vui mừng cho nên gọi là tùy hỷ riêng.

Nói về tùy hỷ của Đại thừa, Tiểu thừa. Hỏi: tùy hỷ của Đại thừa Tiểu thừa có gì khác?

Đáp: Tùy hỷ chính là pháp môn Bồ-tát, cho nên trong năm pháp sám hối của Bồ-tát có nghĩa tùy hỷ, nhưng Tiểu thừa tùy phần má có! Lại Tiểu thừa nói nghĩa tùy hỷ hạn cuộc chỉ tùy hỷ Phật ba đời và đệ tử thiện căn, không có tùy hỷ Phật mười phương ba đời. Đại thừa nói tùy hỷ Phật ba đời mười phương và đệ tử thiện căn cho nên rộng. Lại Tiểu thừa chỉ có tùy hỷ công đức của tích thân không biết pháp thân thường hằng cho nên không có tùy hỷ pháp thân công đức. Lại Tiểu thừa tùy hỷ công đức không hồi hướng Tát-bà-nhã, Đại thừa dùng tùy hỷ công đức hướng đến nhất thiết trí. Lại Tiểu thừa tùy hỷ là tâm hữu lậu, chẳng phải lý Trung đạo quán hạnh, Đại thừa tùy hỷ có cả hữu lậu vô lậu, lúc mới hành nhân tùy hỷ là hữu lậu, hành sâu tùy hỷ tức là Bất-nhã chánh quán, vô đắc vô y cho nên gọi vô lậu. Lại Tiểu thừa tùy hỷ sinh thân Bồ-tát công đức không có tùy hỷ pháp thân công đức, vì trong pháp Tiểu thừa không nói Bồ-tát đặc pháp thân cho nên nói về tự tha tùy hỷ.

Hỏi: Tùy hỷ là môn tự hành hay hóa tha?

Đáp: Chính là môn hóa tha, vì sao? Vì Bồ-tát vốn vì giáo hóa chúng sinh khiến làm phước đức mà chúng sinh làm được thì Bồ-tát vui mừng cho nên gọi là môn hóa tha. Hoặc tự mình muốn dứt trừ phiền não ganh ghét mà cầu phước đức cho nên gọi khởi tùy hỷ là tự hành môn.

Nói về nghĩa Tùy hỷ theo hai kinh. Hỏi: Pháp Hoa nói tùy hỷ có gì khác với Đại Phẩm nói tùy hỷ ư?

Đáp: Đại Phẩm chính là nói vô đắc tùy hỷ, tùy hỷ tức là Bát-nhã, cho nên Luận chủ nói: Phật muốn Tu Bồ-đề y cứ môn tùy hỷ nói Bát-nhã cho nên nói tùy hỷ.

Hỏi: Vì sao căn cứ tùy hỷ mà nói Bát-nhã ư?

Đáp: Do biết tâm năng tùy hỷ và phước sở tùy hỷ vô đắc vô y không năng không sở, phi nhị phi không hai tâm vui mừng như thế tức là Bát-nhã. Lại do tâm Bát-nhã tùy hỷ nên tùy hỷ tức Bát-nhã.

Hỏi: Trước cảnh phước đức làm sở, tâm Bồ-tát làm năng, có năng sở này có thể gọi là tùy hỷ, nay nói không năng không sở thì sao gọi là tùy hỷ ư?

Đáp: Luận chủ nói: Trong đây ứng dụng Bát-nhã và Ủ hoà, do Bát-nhã cho nên biết năng sở, do Ủ hoà nên không hề có năng sở mà năng sở rõ ràng, năng sở bất động vô năng sở, vô năng sở bất động năng sở mà không mất năng sở, vô năng sở như (bóng) trong gương, phi tượng phi bất tượng, muốn nói mỗi tượng kia mà tượng chẳng phải thật có, muốn nói phi tượng mà sự tượng đã là hình chẳng phải hai chẳng phải không hai cũng như vậy. Do Bát-nhã cho nên chẳng phải hai, sức phương tiện cho nên nói chẳng phải không hai, cho nên nói chẳng phải hai chẳng phải không hai.

Hỏi: Pháp Hoa nói tùy hỷ điều gì?

Đáp: Bát-nhã chỉ chấp vô sở đắc tùy hỷ, Pháp Hoa nói cả đắc tùy hỷ và vô đắc tùy hỷ, làm sao biết? Vì nói thẳng một nhân một quả năng tin thọ không trái, tức là tùy hỷ, không khai hai thứ đắc, vô đắc.

Hỏi: Đại Phẩm vì sao khai đắc, vô đắc mà Pháp Hoa không khai ư?

Đáp: Bát-nhã vì phá chấp trước hữu đắc cho nên nói vô đắc tùy hỷ, có sở đắc bất động bất xuất không thể đạt đến quả Phật cho nên chẳng phải Bát-nhã. Pháp Hoa hợp lấy, đây là trình bày đại ý Chư Phật ra đời nói tất cả giáo đều vì khai một chánh đạo cho nên khéo cúi đầu đưa tay đều nhập Nhất thừa. Lại người năm thừa cho rằng bốn thừa thiện căn không thể thành Phật, gốc lành Phật thừa mới có thể thành Phật, vì phá bệnh này cho nên nói tất cả thiện đều thành Phật.

Hỏi: Nếu tất cả pháp thiện thành Phật, thì tất cả thiện đều năng động xuất ư?

Đáp: Tất cả thiện cũng năng động xuất, vì sao? Vì do có sở đắc thiện giúp đỡ rồi sau mới sinh vô sở đắc thiện, có sở đắc thiện là duyên cao của vô sở đắc thiện dùng lời nói này cũng có động xuất.

Hỏi: Nếu vậy thì trái với Đại Phẩm?

Đáp: Bát-nhã nói bất động bất xuất chỉ lấy duyên gần, không lấy duyên xa. Làm sao biết? Vì động là thuận nhãn, xuất là vô sinh nhãn, có sở đắc chẳng phải là hai nhãn đây, cũng đắc là duyên xa trước của hai nhãn.

Hỏi: Hai kinh nương nhau thành phải không?

Đáp: Chính nương nhau mà thành. Đại Phẩm tuy nói vô sở đắc thiện nhưng phải nương hữu đắc làm duyên xa Pháp Hoa tuy nói đắc vô đắc đều nhập Nhất thừa mà nếu muốn vượt ngoài ba cõi đến quả Phật thì phải vô đắc. Lại Đại Phẩm tuy dùng vô sở đắc nhưng phải biết Ba thừa là quyền Nhất thừa là thật, cho nên tâm cầu Phật mới được vững chắc, Pháp Hoa tuy biết Nhất thừa là thật Ba thừa là quyền nhưng phải phá tâm hữu sở đắc, học quán vô sở đắc mới có thể động xuất để thành Phật đạo.

Hỏi: Phước sở tùy hỷ, tâm năng tùy hỷ đồng khác thế nào?

Đáp: gồm có bốn câu:

1) Sở tùy hỷ phước kém năng tùy hỷ tâm mạnh, như Nhị thừa có người sở đắc làm phước, Bồ-tát không có tâm sở đắc tùy hỷ.

2) Phước sở tùy hỷ mạnh, tâm năng tùy hỷ kém như Chư Phật Bồ-tát làm phước có được người tùy hỷ.

3) Cả hai đều mạnh đồng là vô đắc.

4) Cả hai đều kém: Đồng là hữu đắc. Nếu tùy hỷ Pháp Hoa thì Pháp Hoa chỉ mạnh chứ không kém, năng tùy hỷ thông cả hơn kém, tùy địa vị người tu hành sâu cạn mà tùy hỷ.

Nói về đồng khác. Hỏi: Tùy hỷ và hỷ trong bốn đẳng, hỷ trong bảy giác, năm thọ hỷ, bốn thiền hỷ có gì khác nhau?

Đáp: Hỷ trong bốn đẳng nghĩa là ái người trước thoát khổ được vui còn môn tùy hỷ tùy chung tất cả Thánh phạm tạo tác công đức mà tùy hỷ, nghĩa này khác nhau. Chỉ bốn đẳng chủ yếu là định tâm, nay có cả định tán, lại hỷ trong bốn đẳng chỉ căn cứ thoát quả khổ được an vui, nay tùy hỷ chung nhân quả. Hỷ trong bảy giác là vô lậu, môn Tùy hỷ có cả lậu và vô lậu, Hỷ trong thiền trượng là định tâm, chỉ là hỷ thọ, nay thông. Hỷ trong năm thọ là quả báo nay là nhân môn kia là tự vui lòng nay là vui cho người khác, kia là vô ký nay là pháp thiện.

Hỏi: Trước người tự làm phước nay tùy hỷ có lợi ích gì?

Đáp: Thích luận chép: Như người bán hương có người mua hương, lại có người đứng gần bên cũng được ngửi mùi hương, tùy hỷ cũng như vậy, thân khẩu bất động cũng được phước.

Nói về hoặc chướng. Hỏi: Tùy hỷ phá những hoặc nào?

Đáp: Nói thẳng thì tùy hỷ chính phá ganh ghét, như Pháp Hoa nói tùy hỷ cũng phá ganh ghét lại phá người không tin nghĩa Nhất thừa, tuổi thọ, trong Bát-nhã tùy hỷ tức là Bát-nhã này là phá tâm có sở đắc.

Nghĩa sáu ngàn công đức. Có người nói tất cả pháp thiện không ngoài mười điều thiện. Ban đầu từ bất sát đến bất tà kiến, trì một giới bất sát dùng chín giới: bất đạo v.v... để trang nghiêm thì mỗi một điều thiện đều đầy đủ mười điều thiện; mười thiện liền thành một trăm thiện, một trăm thiện này có tự hành, hóa tha, khen ngợi, tùy hỷ cho nên thành bốn trăm, đem phối hợp bốn trăm này với năm thứ pháp sư, năm thứ pháp sư đều có bốn trăm hợp thành hai ngàn thiện, hai ngàn thiện đây đều có phẩm thượng trung hạ ba liền thành sáu ngàn chỉ ba căn dụng mạnh nên có một ngàn hai trăm, ba căn dụng yếu nên có tám trăm.

Lời bình rằng: Đây giải thích ý đầy đủ năm thứ Pháp sư mới đầy đủ sáu ngàn, mỗi Pháp sư không có sáu ngàn, mà kinh nói: Nếu đọc tụng cho đến viết chép không hẳn phải đầy đủ năm sư mới có sáu ngàn năng tụng năng giải như nói tu hành cũng được sáu ngàn, chỉ nghĩa này hỏi nạn rõ ràng chưa thể chuyên giải thích! Chú giải kinh nói: Ban đầu đối mười thiện, một thiện đầy đủ mười thiện tức thành một trăm thiện, lại căn cứ tự hành hóa tha khen người khen pháp tức thành bốn trăm, mỗi mỗi có ba phẩm thành một ngàn hai trăm. Ba căn: Nhãn v.v.... trợ đạo dụng yếu, chỉ được hai phẩm trung hạ cho nên chỉ có tám trăm. ba căn ý đối thông hóa dụng mạnh, đủ cả ba phẩm nên được một ngàn hai trăm.

Lời bình rằng ý của Chú gia không hẳn đầy đủ năm pháp sư thì tránh khỏi sự ngăn ngại trước. Có người nói theo như một trăm phước trang nghiêm, một trăm phước: Căn cứ trong mười thiện có hành mười, chỉ mười, hợp thành hai mươi, mỗi mỗi có năm phẩm như Đại Kinh nói hạ, trung, thượng, thượng trung, thượng thượng, cho nên thành một trăm thiện gọi là trăm phước, nay cũng vậy. mười thiện là mười, căn cứ tự hành, hóa tha, tán người, khen pháp cho nên thành bốn mươi, căn cứ năm pháp sư cho nên thành hai trăm, hành thiện hai trăm chỉ thiện cũng hai trăm cho nên thành bốn trăm, chỉ hành mỗi mỗi có năm phẩm cho nên thành hai ngàn. Căn cứ ba nghiệp nói, một nghiệp hai ngàn cho nên thành sáu ngàn. đã có sáu căn nên một căn đều có một ngàn liền thành sáu ngàn, chỉ dụng có mạnh yếu cho nên có một ngàn hai trăm và tám trăm. Có người nói: Như trên trong phẩm Pháp sư nêu có ba việc. Tâm từ bi là nhà, nhu hòa nhẫn nhục là y, các pháp Không là tòa, ba việc nay mỗi có hai ngàn cho nên thành sáu ngàn. như dùng tâm từ bi hành

thập thiện, một thiện lại dùng mười thiện trang nghiêm cho nên thành một trăm thiện tự hành, hóa tha, v.v... bốn thứ cho nên thành bốn trăm, căn cứ năm thứ Pháp sư liền thành hai ngàn, tâm từ bi đã vậy nhần nhục với Không cũng như vậy, cho nên thành sáu ngàn. Có người nói: Y Kinh Nhân Vương nói Thập tín Bồ-tát, mỗi một tín đủ mười nên thành một trăm, bốn thứ tự hành hóa tha v.v... nên có bốn trăm, căn cứ năm pháp sư thành hai ngàn, căn cứ trên ba việc từ bi, v.v... thành sáu ngàn.

Hỏi: Tại sao không là công đức sáu căn ư?

Đáp: Như trước nói: ba căn dụng mạnh, ba căn dụng yếu, cho nên nhiều ít khác nhau. ba căn dụng mạnh: Ý căn là gốc của năm pháp sư cho nên mạnh, thiết căn cũng đủ năm pháp sư, do thiết căn cho nên năng đọc năng tụng năng nói, lại do thiết căn của người khác nên năng trao truyền khiến được thọ trì viết chép cho nên đầy đủ năm pháp sư.

Hỏi: Nhãn nhĩ vì sao có mạnh yếu ư?

Đáp: người mù không thể hai việc viết đọc mà có thể tụng nói thọ trì cho đến đắc đạo, người điếc không thể chỉ bảo đều không có năm thứ pháp sư cho nên nhĩ mạnh nhãn yếu.

Hỏi: Ba căn như thân, v.v... có công đức gì mà được tám trăm?

Đáp: Xen lẫn giữ gìn cho nên các căn còn lại đắc dụng tức là công đức.

Hỏi: Ở địa vị nào hành Bồ-tát đắc sáu ngàn công đức ư?

Đáp: Dưới nói chưa đắc thân vô lậu pháp tánh mà có dụng công đức này nên biết người ấy là Bát địa trở xuống. Có người nói: Bồ-tát Thập tín có dụng này, luận Pháp Hoa nói đó là người Địa tiền.

Hỏi: Vì sao gọi là sáu căn thanh tịnh ư?

Đáp: Như văn nói, có thắng dụng này cho nên gọi là tịnh. Lại kinh này nói hai trí quyền thật, hai thân chân ứng đều là pháp vô ngại, Bồ-tát ngộ pháp vô ngại cho nên nay đắc vô ngại gọi là sáu căn thanh tịnh.

Hỏi: Tại sao quyền, thật, chân, ứng vô ngại ư?

Đáp: Như trước nói: Dài là dụng của ngắn, ngắn là dụng của dài, dài ngắn là dụng của chẳng dài ngắn, chẳng dài ngắn là dụng của dài ngắn, đây là thân rốt ráo tự tại vô ngại của Như Lai, tức có đại dụng rốt ráo tự tại vô phương. Người mới tu hành đắc phần ngộ này cho nên sáu căn tự tại.

Hỏi: Các bộ đều nói: Hương đến mũi mới biết, vì sao kinh này nói xa nghe mùi hương ư?

Đáp: Có người nói: Đạo lý thì đến căn mới biết nay nhờ lực kinh nên xa nghe mùi.

Hỏi: Nếu đạo lý sắc có thể thấy, tiếng có thể nghe nay nhờ lực kinh thì nên nghe sắc thấy tiếng ư! Nếu sắc không thể nghe tiếng không thể thấy thì người đến không thể xa nghe, người xa không thể đến biết ư?

Đáp: Sắc trong sáng chắc chắn có thể thấy, sắc trong tối chắc chắn không thể thấy, vì sao mắt người ban ngày thì thấy, ban đêm thì không thấy. Con quạ ở trong hang ban đêm thấy mà ngày không thấy. Nếu nói mắt có ánh sáng cho nên ban đêm thấy thì ngày vì sao không thấy ư! Lại như nước yếu không nâng nổi sợi lông mà nâng lên khối sắt, Kim cương phá các vật khác mà thủy ngân làm hoại, thì lấy gì để xác định mạnh yếu ư! Cho nên biết các pháp không có tánh nhất định tùy ý mà chuyển, đến và không đến cũng như vậy.

Lại nay y cứ sự giải thích. Bồ-tát phần đặc hai trí, do thật trí cho nên biết sáu căn sáu trần không vô sở hữu, như trong Hoa Nghiêm nói nhãn nhập Tam-muội xuất Chánh thọ quán nhãn vô sinh, không có tự tánh, nói không vắng lặng vô sở đắc; do quyền trí cho nên có dụng 6 căn, căn cứ quyền trí năng biết nghĩa hương, cho nên nói mũi xa nghe hương tỷ căn chẳng thể xa nghe, các căn khác cũng vậy.

Nói về Bồ-tát Quán Âm và Diệu âm đồng hay khác. Hỏi: Quán Âm, và Diệu âm mở rộng ý kinh có gì khác nhau ư?

Đáp: Có đồng có khác. Đồng: Do đều dùng thần thông ứng cảm mở rộng đạo lợi người, lại đồng nói môn hạnh của vị Bồ-tát, vì Bồ-tát thành Phật sự. Lại đồng căn cứ môn người nói pháp Hoa, đều là đại sĩ phương khác, đến giúp Đức Thích-ca cùng lợi ích chúng sinh mở rộng đạo. Có người nói là khác: Nói lược mười một nghĩa:

1) Danh hiệu khác nhau, Diệu Âm chỉ có tên người, Quán Âm người pháp đều nêu. Diệu Âm từ năng thọ danh, Quán Âm năng sở hợp gọi. Quán là trí năng quán, Thế Âm là cảnh sở quán. Lại Diệu Âm lấy đức lợi ích chúng sinh, Quán Âm dùng danh thành Phật sự, phẩm Diệu Âm không giải thích danh từ Diệu Âm, phẩm Quán Âm nói về danh hiệu Quán Âm.

2) Người đối đãi khác nhau: Nói Diệu Âm đối Hoa Đức Văn Thù, nói Quán Âm đối Vô tận ý, Trì địa.

3) Đến nghĩa có khác: Diệu Âm từ phương Đông đến, Quán Âm từ phương Tây đến. Diệu Âm bị gọi mới đến, Quán Âm không gọi mà đến, Diệu Âm có đến có đi, Quán Âm không nói có đến có đi, Diệu Âm thì nhóm họp sau, Quán Âm thì đến trước. 4) Nói nín khác nhau: Diệu Âm thì nói năng, nghĩa là bậc Thánh nói pháp, Quán Âm thì im lặng nghĩa

là bậc Thánh im lặng.

5) Động tĩnh khác nhau: Diệu Âm hiện thần thông nghĩa là bất động động Phương Tiện, Quán Âm không hiện thần thông động bất động thiện xảo.

6) Nhân quả khác nhau: Phẩm Diệu Âm nói nhân đời trước nói quả sở hiện tại Quán Âm chỉ nói đức hiện tại không nói nhân đời trước.

7) Rộng lược khác nhau: Diệu âm hiện thân nói pháp thì rộng cho nên có thân của sáu đường, Quán Âm thì lược cho nên không có thân địa ngục, ngạ quỷ.

8) Có, không khác nhau: Nói Diệu Âm không cách lượng, nói Quán Âm thì có cách lượng, nói Diệu Âm không cúng dường, nói Quán Âm có cúng dường.

9) Lợi ích khác nhau: Nói Diệu Âm thì lợi ích nhiều, cho nên phương khác cõi này đều lợi ích, nói Quán Âm chỉ lợi ích cõi này, nói Diệu Âm lợi ích thì sâu cho nên có đặc Pháp Hoa Tam-muội và vô sinh nhẫn, nói Quán Âm thì lợi ích cạn chỉ nói phát tâm Bồ-đề.

10) Diệu Âm không nói nối pháp Thế Tôn, Quán Âm nói về Bồ xứ.

11) Không nói Diệu Âm đã thành Chánh Giác, Quán Âm thì là Như Lai xa xưa.

Nói về nghĩa Quán Âm Phổ Môn. Căn cứ nghĩa Quán Âm lược có hai mươi điều:

- 1) Nhơn pháp một cặp.
- 2) Bản tích một cặp.
- 3) Tam luận một cặp.
- 4) Danh đức một cặp.
- 5) Nội ngoại một cặp.
- 6) Trí tuệ công đức một cặp.
- 7) Trí đoạn một cặp.
- 8) Mật hiển một cặp.
- 9) Từ bi một cặp.
- 10) Nhị thân một cặp.
- 11) Quyền thật một cặp.
- 12) Tam nghiệp một cặp.
- 13) Nói ba đức.
- 14) Nêu cạn sâu.
- 15) Nêu nhị (2) đức.
- 16) Thần thông, thị hiện.

- 17) Lực vô úy.
- 18) Tứ đẳng tứ nhiếp.
- 19) Giải hạnh.
- 20) Bi tuệ một cặp.

1. Nói người pháp Quán Âm là người mở rộng đạo làm lợi ích, Phổ môn nghĩa là pháp mở rộng đạo lợi ích vật, chẳng phải pháp thì không do đâu mà thành tựu người, chẳng phải người thì không do đâu y theo pháp, người và pháp thật ra không có trước sau, chỉ vì đạo không vận chuyển một mình đơn lẻ, do người mở rộng cho nên trước nói người sau biện minh pháp, lại các phẩm dưới đây do Bồ-tát thành Phật sự cho nên trước nói về người.

Hỏi: Phẩm này vì sao người pháp đều nêu?

Đáp: Vì ở dưới Ngài Vô tận ý có hai nghi hỏi: Trước hỏi người, kế hỏi pháp, vì vậy nên trước đề người sau đề pháp. Căn cứ người pháp này nhân duyên không ngại, chỉ người vì pháp, chỉ pháp vì người, nói người pháp này vì khai chánh đạo, không người không pháp tức là Diệu Pháp Liên Hoa.

2. Nói bản tích: Quán Âm tức là pháp thân, do ở địa vị pháp thân quán căn duyên muôn vật, Phổ môn là ứng thân là duyên cho pháp thân địa chiếu, cho nên thị hiện cứu giúp như Hoa Nghiêm nói: chim cánh vàng đầu đàn bay lên hư không dùng mắt thanh tịnh quan sát rộng biển lớn mạng sắp hết, liền dùng hai cánh quạt nước rẽ làm hai bên mà tóm lấy. Bồ-tát dùng pháp thân trí nhãn quan sát pháp giới hư không thấy chúng sinh đáng được độ nên dùng hai cánh tuệ thật, Phương Tiện tát nước sinh tử mà độ thoát. Như nói chẳng phải bản, không lấy gì thù tích, không phải tích không lấy gì hiển bản, bản tích tuy khác nhau mà bất tư nghi nhất, nhân bản tích này vì khai không bản không tích chánh Pháp Liên Hoa.

3. Kế là nói ba luân. Quán Âm gọi là tha tâm luân, quan sát tâm chúng sinh trong pháp giới có đáng độ hay không, v.v... Phổ môn tức thần thông luân, nói pháp luân; quan sát đã xong hay thuyết pháp, hoặc là hiện thần thông, hiện thần thông sinh công đức, nói pháp sinh trí tuệ, hiện thần thông diệt khổ quả kia, nói pháp sinh nhân an vui kia, hiện thần thông phát tín tâm kia, nói pháp sinh tuệ giải kia cũng được dùng xen lẫn. Lại hiện thần thông nhiều vì độ căn, nói pháp nhiều vì lợi căn, hiện thần thông nhiều vì chúng sinh tại gia, nói pháp nhiều vì chúng sinh xuất gia như trước nói.

4. Danh đức một cặp. Quán Âm có ba tên gọi: Phổ môn nghĩa đức

của Ba mật. Ba danh là: a) Quán Âm thanh thế gian sinh khẩu nghiệp thiện cho chúng sinh. b) Quán ý thế gian sinh ý nghiệp thiện cho chúng sinh. c) Quán thân thế gian sinh thân nghiệp thiện cho chúng sinh.

Ba mật đức của Phổ môn là: a) Biết tâm người cùng khắp. b) Nói pháp khắp. c) Thần thông khắp. Ba tên nghĩa là sinh ba nghiệp thiện cho chúng sinh, thì nghĩa sinh thiện cùng khắp. Ba mật đức thì ứng vật mà khéo cùng tận, hai câu hỏi đáp dưới chính nói ba danh ba đức, nhiếp Chư Phật Bồ-tát mười phương danh đức đều tận do đó thọ trì công đức được nhiều. Lại Quán Âm gọi là tâm đại bi, Phổ môn nói sự đại bi. Bi thì trước không bờ bến, sau không cùng tận, cũng không trung gian. Sở dĩ trước không bờ bến: Từ vô thủy đến nay có chúng sinh thì có tâm bi của Bồ-tát, cho nên bi này cùng bờ bến trước bình đẳng. Sau thì vô biên: Nếu chúng sinh hết thì tâm bi bèn dứt, do chúng sinh chưa hết nên tâm bi không dứt.

Hỏi: Sau bờ bến vô tận có thể như vậy, vô thủy đến nay thì có chúng sinh, lẽ ra cũng vô thủy đến nay có Quán Âm ư?

Đáp: Chúng sinh vô thủy đến nay bi, đây cũng vô thủy, cho nên vô thủy có bi. Tịnh Danh nói: Từ si có ái thì bệnh ta sinh, do đó tâm bi dứt bỏ si ái, kia đã vô thủy, tâm bi cũng vô thủy cho nên vô thủy cũng có bi. Phổ môn nghĩa là bi sự, tuy có tâm bi nếu không có bi sự thì đó là bi giả tướng, vì không thật lợi ích cho nên chẳng thật bi. Nay tâm bi đã thông, bi sự cũng biến khắp, dứt bỏ khổ ba đời mười phương thì bi sự khắp vậy.

Lại nêu danh giải thích danh một cặp. Quán thế âm là nêu danh Bồ-tát và tán tán dụng của danh Bồ-tát, nghĩa là chúng sinh khởi lên ba nghiệp thoát khỏi các nạn. Phổ môn: Là thoát khỏi các nạn, Bồ-tát sở dĩ cứu giúp nạn ấy là do có ba phổ.

Hỏi: Vì sao dùng ba phổ ư?

Đáp: Chúng sinh ba nghiệp hưởng cảm, Bồ-tát đối trong mỗi ng- hiệp tùy dùng ba luân, hoặc ứng, thông, hoặc nói pháp.

5. Nội ngoại một cặp: Quán thế âm gọi là nội đức của Bồ-tát ngầm ẩn mật chiếu, tức biết bệnh biết thuốc. Phổ môn là ngoại đức của Bồ-tát các thứ Phương Tiện đầy khắp mười phương cứu độ chúng sinh từng bệnh cho thuốc.

6. Trí tuệ công đức một cặp: Quán thế âm tức là trí tuệ nghĩa là biết tánh căn dục, Phổ môn tức là công đức cứu giúp chúng sinh.

7. Trí đoạn một cặp: Quán Âm tức trí tuệ của Bồ-tát gọi là trí đức, Phổ môn tức là đoạn đức. Đại Kinh nói: Tùy chỗ điều phục chúng sinh gọi là giải thoát, nay cũng vậy. Độ tất cả chúng sinh được giải thoát

chính là đoạn đức, không như người Nhị thừa tự không có phiền não gọi là giải thoát.

8. Hiển mật một cặp: Ban đầu hỏi đáp giải thích danh hiệu Quán Âm nói hiển cảm, mật ứng. Hiển cảm: là chúng sinh ba nghiệp khởi cảm; mật ứng: là Quán Âm không hiện thân, không nói pháp mà khiến được giải thoát. Phổ môn tức là mật cảm, hiển ứng. Hiển ứng quan sát tâm kia mà hiện thân nói pháp. Mật cảm: Không nói chúng sinh ba nghiệp khởi cảm. Chỉ có ứng dùng lời, nghĩa là căn duyên chân thật phát tức vì hiện thân nói pháp. Nhưng hiển mật cảm ứng đầy đủ chung bốn câu có thể dùng ý mà hiểu. Chương đầu nói mật ứng, chương sau nói hiển ứng, ứng chương tuy nhiều mà không ngoài hiển mật, nay Kinh nói cảm ứng cho nên trong bốn câu chỉ nói hai câu kỳ vọng, chẳng những phẩm này nói nghĩa kỳ vọng, mà nhiếp chung nghĩa cảm ứng của tất cả kinh.

9. Từ bi một cặp: Quán Âm tức đại bi nghĩa là dứt bỏ các khổ như bảy nạn, ba độc khiến họ được giải thoát, Phổ môn tức Đại từ, nói pháp hiện thân khiến cho kia đắc quả.

10. Hai thân một cặp: Quán Âm là thân Dược Thọ Vương gốc, rễ, cành, lá, hoa, quả đều trị bệnh được, Phổ môn nghĩa là Thân vương Như ý châu năng ban tất cả sự an vui. Nghĩa là hai thân xuất xứ trong văn luận Thập Địa giải thích nghĩa vô tâm năng dứt khổ của muôn vật, như Dược Thọ Vương, vô tâm mà ban vui như Như Ý Châu vương.

11. Hai trí một cặp: Quán Âm tức thật trí, Phổ môn tức từ thật trí khởi trí phương tiện làm lợi ích chúng sinh.

12. Nói ba nghiệp: Quán Âm là ý nghiệp Bồ-tát, Phổ môn là khẩu nghiệp thân nghiệp.

13. Nói ba đức: Quán Âm là đức Bát-nhã, do quán sát tức là trí tuệ, trí tuệ gọi là Bát-nhã, Phổ môn là hiện tất cả thân, tức là Pháp thân, vì điều phục tất cả chúng sinh khiến được giải thoát tức là đức Giải thoát.

14. Hai sự lợi ích một cặp: Quán Âm là ban sự an vui cho chúng sinh thế gian và dứt khổ cho thế gian, cho nên có bảy nạn và không có nạn nam nữ tức là thế gian đạt được lợi ích, Phổ môn hiện tất cả thân, nói tất cả pháp khiến kia được độ tức lợi ích xuất thế gian.

15. Giải thích hai Đức: Quán Âm tức là nói nghĩa môn của các Bồ-tát, Phổ môn là môn thật đức. Môn tự nghĩa: Thích luận nói các Bồ-tát tự có vô lượng nghĩa, nay giải thích chữ Quán Âm tự có nghĩa vô lượng công đức, cho nên là môn tự nghĩa, Phổ môn nói ba mật thật đức nên

gọi là môn thật đức.

16. Thần thông thị hiện: Quán Âm trong lục thông là tha tâm, tức mạng, thiên nhãn, thiên nhĩ. Phổ môn là Như ý thông, Lậu tận thông. Lậu tận thông tức là nói pháp danh hiệu, Quán Âm tuy nhiếp bốn thông mà văn chánh chỉ là thiên nhĩ thông. Thị hiện có thể đầy đủ hai câu:

a) Thần thông chẳng thị hiện, nghĩa là thiên nhãn, thiên nhĩ, tức mạng.

b) Vừa thị hiện vừa thần thông, gọi là tha tâm, như ý và lậu tận. Cho nên trong sáu thông ba là thị hiện, ba chẳng thị hiện. Do đó Đại Phẩm nói ba việc thị hiện, văn dưới tức nói Phổ môn thị hiện, nay Phổ môn tức là ba việc thị hiện, Quán Âm đã là thiên nhĩ cho nên không gọi là thị hiện tức là thị hiện không thị hiện một cặp.

17. Quán Âm là mười lực: mười lực là nội chiếu, Phổ môn là bốn vô úy, bốn vô úy dụng bên ngoài.

18. Quán Âm tức là bốn đẳng: Nghĩa là Từ tâm muốn ban vui Tâm bi muốn cứu khổ, hỷ tâm mừng thoát khổ được vui, Xả tâm tu bình đẳng. Phổ môn tức bốn nhiếp, nhiếp lấy chúng sinh, đáng dùng bố thí nhiếp thì liền dùng bố thí nhiếp, ngoài ra cũng như vậy.

19. Giải hạnh một cặp: Quán Âm nghĩa là trí tuệ, trí tuệ giải, Phổ môn cứu độ, cứu độ nghĩa là hạnh.

20. Bi tuệ một cặp: Hoa Nghiêm nói: Quán Âm nói Kinh Đại Bi Hạnh Quang Minh, bi là muốn cứu, hạnh quang minh là trí tuệ năng cứu. Ở thế gian cha mẹ thấy con chịu khổ muốn cứu, mà không có trí không thể cứu giúp, thầy thuốc thế gian có trí tuệ có thể cứu. Không có tâm bi cho nên không muốn cứu, Bồ-tát có bi cho nên muốn cứu có trí tuệ cho nên năng giúp. Lại Bồ-tát mới tu hành muốn cứu mà không có đạo lực cho nên không thể cứu được, người Nhị thừa có đạo lực có thể cứu mà không có bi cho nên không muốn giúp. Quán Âm bi, tuệ hợp hành, có bi cho nên muốn cứu, có trí tuệ cho nên năng giúp.

Kế là nói danh hiệu Quán Âm: Quán Âm có hai nghĩa:

a) Trí cảnh hợp nêu.

b) Cảm ứng đều nêu.

Quán là trí năng quán, Thế âm là cảnh sở quán, nên gọi là cảnh trí. Quán là quán sát đến ứng, Thế Âm là cơ chúng sinh cảm cho nên gọi là ứng cảm.

Hỏi: Cảnh trí là tên gọi có đủ mấy trí?

Đáp: Chín là thật trí Phương Tiện trí, biến âm thanh thế gian tức nghĩa không có mà có, không nghe mà nghe, tức hiểu rõ âm thế gian

không có mà có, thì biết có mà không có. Nếu biết không nghe mà nghe tức biết nghe mà không nghe. Do biết nghĩa không có mà có không nghe mà nghe gọi là thật phương tiện. Nếu biết có không có gọi là Phương Tiện, thật thì không có mà có lẽ nào là có! Có, không có lẽ nào là không có! Cho nên chẳng có cũng chẳng phải không có, chẳng thật chẳng Phương Tiện gọi là quán Trung đạo. Vì vậy, danh Quán Âm có đủ ba quán: Thế đế quán, chân đế quán, phi chân tục Trung đạo quán vậy.

Hỏi: Nay văn chỉ nói Quán thế âm chỗ nào nói có ba quán?

Đáp: Kinh Quán Âm Thọ ký, và Quán âm sở giải có ba Quán Âm. Lại luận nói: pháp co Nhân duyên sở sinh tức là Không, tức là Trung đạo, nói âm thanh thế gian tức nhân duyên, tức Không, tức Trung đạo cho nên đủ ba quán. Như nói Thế âm: Thế có ba thứ:

- 1) Chúng sinh thế gian.
- 2) Năm ấm thế gian.
- 3) Cõi nước thế gian.

Chúng sinh thế gian: Nghĩa là các pháp ngũ ấm, mười hai nhập, mười tám giới, sinh trong đó nên gọi là chúng sinh. Năm ấm thế gian: Nghĩa là pháp năng thành tựu chúng sinh tức là sắc và tâm. Cõi nước thế gian: tức là sắc pháp làm thế, nghĩa là phong tục cõi nước. Nay Bồ-tát chánh quán chúng sinh thế gian, chỉ năm ấm năng hành chúng sinh, cõi nước là chỗ chúng sinh nhờ gửi không được lìa nhau nên gọi chung là thế gian. Thế Âm: là ngôn ngữ chung của thế gian, âm là ngôn ngữ riêng của thế gian. Thi tựa của Tử Hạ Mao nói: Do tiếng thành văn gọi là âm.

Tìm Đại Tiểu thừa kinh luận nói âm và thanh không khác nhau. Phẩm Tạt Tâm Giới nói: Thanh có ba thứ:

- 1) Nhân thọ thanh của bốn đại, nghĩa là âm thanh vật hữu tình.
- 2) Nhân không thọ thanh tứ đại nghĩa là vật bên ngoài như các tiếng chuông, tiếng linh v.v...
- 3) Nhân đều thanh, như tiếng người thổi sáo, v.v... ở đây thì chỉ giải thích tiếng không nói âm cho nên biết âm và thanh không khác. Luận Thành Nói thật: Như người muốn nghe các tiếng chuông tiếng linh thì dùng tai nghe, phẩm này nói tức thời quán sát âm thanh kia. Phẩm Hóa thành nói: Tiếng Ca-lăng-tần-già, các thứ như vậy đều nói âm không khác thanh.

Phổ: Trên nói quán thanh kia chưa hẳn cùng khắp cho nên nay nói Phổ môn, phổ dùng nghĩa đều khắp, nhưng Phổ có hai thứ:

1) Tâm phổ.

2) Sự phổ, phàm phu Nhị thừa đều không có hai phổ, Bồ-tát mới tu hành tâm tuy hấp mà sự không khắp, Quán Âm tâm sự đều khắp, đại bi muốn cứu khắp các khổ của chúng sinh, đại từ muốn an vui khắp cho muôn vật gọi là tâm phổ. Ngoài hiện tất cả thân nói tất cả tiếng, nghĩa là sự phổ. Môn: Dùng hai phổ tâm sự làm pháp môn cho nên nói Môn. Lại khiến chúng sinh ngộ nhập năng thông chánh đạo, cho nên gọi là Môn.

Hỏi: Quán Thế Âm có mấy tên?

Đáp: Cổ Kinh nói: Quán Thế Âm, nay nói Quán Thế Âm, chưa liễu ngôn ngữ của từng địa phương cho nên ở đây nói là hiệu. Nếu muốn giải thích: Quang còn là trí tuệ, như Đại Kinh nói Quang minh tức là trí tuệ, trí tuệ tức là quán. Lại Bồ-tát ánh sáng trí tuệ chiếu khắp thế gian, cho nên nói quang. Kinh Hoa Nghiêm chép: Bồ-tát Quán Âm nói kinh Đại bi kinh quang minh. Đại bi tức là công đức, quang minh là trí tuệ, thì biết Quang Thế âm không mất ý này. La-thập chú giải Kinh Tịnh Danh nói có ba tên: Quán Thế Âm, Quán Thế ý, Quán Thế Thân. Nay ngài La-thập sở dĩ giải thích đây, vì thấy Phẩm Phổ môn giải thích đủ ba tên cho nên có ba hiệu.

Hỏi: Vì sao lập ba tên ư?

Đáp: Đây lập ba tên thì xem xét khắp hết các sự của chúng sinh, chúng sinh tuy có ba nghiệp, Bồ-tát quán đủ ba nghiệp kia cho nên đặt ba tên; Lại tùy chúng sinh ưa muốn khác nhau, lại chúng sinh hoặc miệng không thể nói, hoặc tâm không thể lẽ lạy, cho nên nói đủ ba tên; lại chúng sinh kỳ huý khác nhau cho nên có đủ ba tên.

Hỏi: Vì sao quán đủ ba nghiệp ư?

Đáp: Muốn khắp sinh ba nghiệp thiện, cho nên hoặc miệng xưng danh cho đến thân lễ bái, đều được Quán Âm chiếu soi sẽ được thoát khổ.

Hỏi: Ba nghiệp chúng sinh khởi cảm, ba nghiệp có mấy nghiệp ư?

Đáp: Khẩu nghiệp xưng danh đủ ba nghiệp, phát ra âm thanh là khẩu nghiệp, động lưỡi là thân nghiệp, trải qua ý thì ý nghiệp, thân lễ bái chỉ hai nghiệp thân ý, ý giữ nệm chỉ ý nghiệp.

Hỏi: Bồ-tát quán: Là chỉ ý nghiệp năng quán, hai nghiệp thân khẩu cũng năng quán ư?

Đáp: Bồ-tát ba nghiệp vô ngại đều năng quán.

Hỏi: Quán là trí tuệ, ý địa có thể năng quán? Thân miệng vì sao năng quán ư?

Đáp: A-tu-la đàn vô tâm còn năng ứng vật xuất âm thanh, báu trời vô tình tùy ý các trời mà sai đi, huống chi Bồ-tát miệng ánh sáng không thể quán vật ư!

Hỏi: Đã nói ba tên vì sao nay chẳng xưng Quán Thế Âm ư?

Đáp:

1) Đây vượt nêu một tên.
2) Chúng sinh xưng danh đủ động ba nghiệp, nay muốn khắp sinh ba nghiệp thiện cho nên gọi riêng là Quán Âm.

3) Ta bà dùng âm thanh thành Phật sự.

4) Xưng danh được tự hành hóa tha, còn lại chỉ có tự hành.

5) Xưng danh thì dễ, nếu khi gặp nạn thân lễ ý niệm là khó.

6) Xưng danh thẳng còn thoát khổ huống gì ý niệm thân lễ bái ư! Như thuốc hay chỉ được nghe có thể trị bệnh, huống chi ý niệm thân xúc chạm ư!

7) Kinh Mở rộng Mãnh Hải Huệ nói đời quá khứ Quán Âm xuất thế gặp Đức Phật Không Vương, Quán Thế Âm bèn phát nguyện, nguyện đời vị lai tên Quán Thế Âm, hai tên còn lại không có nguyện, thì Quán Âm danh có hai: a) Hạnh. b) Nguyện. Hạnh: Quán gọi là cứu khổ. Nguyện: Là quá khứ phát nguyện.

Luận thoát nạn không thoát nạn. Hỏi: Xưng danh Bồ-tát vì sao có thoát khổ, không thoát khổ ư?

Đáp: Dốc lòng thì thoát, không dốc lòng nên không thoát.

Hỏi: Bồ-tát tự nên cứu đâu cần dốc lòng ư?

Đáp:

1) Nhờ dốc lòng thì mới diệt tội Bồ-tát mới ứng cho nên phải dốc lòng.

2) Tội nhẹ thì thoát khổ, tội nặng thì không thoát khổ.

3) Nhân huân tập có dày mỏng, mỏng thì thoát khổ, dày thì không thoát khổ.

4) Nghiệp có định bất định. Định: Thì không thoát, không định thì thoát.

Hỏi: Bất định có thể xưng danh, định nên không dùng xưng danh ư?

Đáp: Nay tuy vô tích mà gây nhân đời sau.

5) Có mật ích, hiển ích, thoát khổ gọi là hiển ích, chẳng thoát khổ gọi là mật ích.

6) Có lợi ích thì thoát khổ, không lợi ích thì không thoát khổ.

Hỏi: Xưng Quán Thế Âm có dùng thần lực giết hại chúng sinh hay

không?

Đáp: Như trước nói lấy lợi ích làm định, các thứ khác đều bất định. Nếu vậy hoặc khiến thoát lửa, hoặc khiến không thoát, hoặc cố thiêu chết, nay xưng danh mà không thoát khỏi việc này khó biết.

Hai thứ nghĩa thứ lớp giải thích phẩm Diệu Trang Nghiêm, v.v....

Chư Phật Ba đời chỉ có một loại thứ lớp.

1) Căn duyên thứ lớp.

2) Tùy nghĩa thứ lớp.

Tùy nghĩa thứ lớp: Như trước nói Khổ đế, sau nói Tập đế v.v... Căn duyên thứ lớp là trước nói Tứ đế sau nói mười điều thiện chẳng phải thứ lớp Tứ đế là chỉ tùy căn duyên. Đức Phật nói pháp đầy đủ hai thứ thứ lớp này mà phần nhiều căn cứ căn duyên thứ lớp, các Bồ-tát làm luận cũng đầy đủ hai thứ thứ lớp, chỉ đệ tử muốn giải lời Phật phần nhiều y nghĩa môn thứ lớp, lựa chọn tụ hợp lời Phật thứ lớp giải thích.

Hỏi: Hai thứ lớp, loại nào là chánh?

Đáp: Dùng căn duyên thứ lớp làm chánh, vì sao? Vì Phật và đệ tử nói kinh soạn luận, chỉ khiến người ngộ giáo không nhất định.

Hỏi: Chẳng thể có nghĩa nhất định phải không?

Đáp: Như trước nói: Chỉ do ngộ nhập cho nên giáo không nhất định, như Đại Kinh nói: Hơn ba mươi việc tranh luận môn đều là Như Lai căn cứ căn duyên mà nói, do chúng sinh chẳng phải một cõi nước, một thứ căn tánh, một thiện tri thức vì vậy nên Như Lai không làm một nói, chỉ khiến chúng ngộ. Nếu vậy trước nói pháp thân tuổi thọ, sau nói các Bồ-tát, lại trước nói Đà-la-ni chú sau nói Bản Sự của vua Diệu Trang Nghiêm, căn duyên thứ lớp không hẳn nói về chú ở thứ nhất, vua Diệu Trang Nghiêm là thứ hai nên chẳng phải nghĩa thứ lớp. Ở đây giải thích chung hai mươi tám phẩm kinh và tám muôn bốn ngàn pháp tạng.

Hỏi: Thẳng nghe bản sự của vua Diệu Trang Nghiêm làm sao ngộ đạo ư?

Đáp: Đức Phật thấy căn duyên nói sẽ đắc đạo, bất luận sự lý, cho đến từ xưa đến nay ví như không thấy căn cơ tuy nói đạo mầu mà đối với duyên không có lợi ích.

Hỏi: Trên nói Diệu Âm qua lại được ngộ vô sinh, nay nghe việc xưa lại được mất thnah tịnh, nhưng hai thứ ngộ Đại tiểu phải thấy Không rồi mới đắc đạo, nay nói sự hữu làm sao thành Thánh ư?

Đáp: Tuy chất là nghi tiểu, thật ra chỉ hỏi về Đại, người luận Thành Thật nói: Kiến Không thì đắc đạo, người Số Luận nói thấy hữu

thành Thánh, tranh luận lẫn lộn lý do rất lâu. Nay nói bốn câu như Số luận, v.v... đều không đặc đạo, vì sao biết? Vì Thích luận giải thích trong Bát-nhã độ rằng: không đặc năng lực Bát-nhã Phương Tiện lực cho nên học A Tỳ-đàm rơi vào trong hữu kiến, học không môn đoạ và không kiến, học môn hữu không rơi vào kiến vừa không vừa hữu, học môn phi hữu phi vô rơi vào ngu si luận. Cho nên biết bốn câu đều không đặc đạo. Nếu đặc Bát-nhã Phương Tiện học bốn câu này không rơi vào bốn kiến. Nếu vậy thiện xảo học bốn câu, bốn câu đều đặc đạo. Không thiện xảo học bốn câu, bốn câu đều không đặc đạo. Lại tức ở đây nói Bồ-tát qua lại mà đặc đạo, tức là thiện xảo phương tiện học hữu cho nên đặc đạo.

Hỏi: Làm sao thiện xảo?

Đáp: Bồ-tát đến thì đây là tướng không đến mà đến, tuy đến mà không đến, ngộ giải nghĩa đến này liền sinh hai tuệ do đó đặc đạo.

Hỏi: Thấy có đặc đạo là tác hữu giải cho nên đặc đạo hay tác không giải nên đặc đạo ư?

Đáp: Đã như trước nói: Tác hữu giải tức hữu kiến, tác không giải tức không kiến, bốn không như thế đều không đặc đạo, biết hữu là không, hữu tuy hữu mà không hữu, do đây được nhập đạo, hữu cuối cùng là phi đạo mới gọi là đạo môn, không, v.v. . . cũng như vậy.

Nghĩa chánh tượng: Nghĩa này giải thích chung trong các việc thọ ký pháp trụ lâu mau.

Hỏi: Pháp của Đức Phật Thích-ca trụ thế được bao nhiêu năm?

Đáp: Chánh pháp ngàn năm, Tượng pháp ngàn năm, mạt pháp muôn năm, xuất xứ từ bia ở tinh xá Kỳ Hoàn, trong luật Thiện Kiến, luận Tỳ-bà-sa cũng có nói điều này. Chỉ vì độ người nữ xuất gia làm cho chánh pháp bị giảm năm trăm năm. Có người nói: đều mất năm trăm năm, chánh pháp chỉ năm trăm, tượng pháp một ngàn năm, cho nên Kinh Ma-da chỉ nói một năm trăm năm. Văn Trung luận cũng nói vậy. Có người nói: Tổn hại chánh pháp năm trăm lưu nhập tượng pháp liền có một ngàn năm trăm. Có người nói: Tu tám pháp kính cho nên chánh pháp trở lại một ngàn năm.

Hỏi: Vì sao ba thời lại chỉ nói tượng pháp?

Đáp: Chỉ nói tượng, chánh là gồm nhiếp Mạt pháp vào Tượng. Nói mạt pháp là chia tượng làm hai: Gọi là Tượng và Mạt.

Hỏi: Vì sao biết tượng tức mạt ư?

Đáp: luận Thập Nhị Môn nói: Chúng sinh đời mạt pháp phước mỏng căn độn tức gọi Tượng là Mạt.

Hỏi: Vì sao gọi là tượng chánh ư?

Đáp: Có nhiều nghĩa.

1) Đức Phật tại thế là chánh, khi Phật diệt độ rồi là Tượng.

2) Chưa có bộ khác là chánh, có bộ khác là tượng, thì bị giảm năm trăm một trăm mười sáu năm sau mới gọi là Tượng pháp.

3) Đắc đạo nhiều là chánh, đắc đạo ít là tượng, cho nên đức Thích-ca trước năm trăm năm đắc đạo nhiều, người không đắc đạo ít, sau năm trăm năm người đắc đạo ít, người không đắc thì nhiều.

4) Pháp chánh pháp chưa phá chánh pháp chia làm tượng, chánh.

Phẩm Tà Chánh trong Đại Kinh nói: Sau khi Ta diệt độ trong bảy trăm năm ma Ba-tuần dần dần sẽ phá hoại chánh pháp của ta, thì sáu trăm năm chưa phá là chánh, một trăm năm còn lại phá là tượng.

5) Các pháp ác khởi, chưa khởi chia làm tượng chánh. Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi nói: một ngàn một trăm năm các pháp ác khởi gọi là tượng, nếu trong một ngàn năm pháp ác chưa khởi là chánh. Nhưng trong một ngàn năm tuy có ác pháp khởi nhưng vẫn chưa mạnh nên thuộc Chánh pháp, ác mạnh là Tượng.

6) Hai ngàn năm đều thuộc chánh pháp, muôn năm chuyển suy yếu dần là Tượng pháp.

7) Các Bồ-tát thấy pháp Như Lai không có diệt, thường thấy Chư Phật thì muôn hai ngàn cho đến tất cả thời đều là chánh pháp, người Nhị thừa thấy Phật pháp có hưng suy cho nên có tượng, chánh.

Hỏi: Vì sao chánh pháp của Đức Thích-ca chỉ được một ngàn năm ư?

Đáp: Quá khứ chánh pháp của đức Thích-ca một ngàn năm trụ thế, mà đức Thích-ca xưa vốn làm người thợ gốm, nhân phát nguyện, nguyện ta thành Phật làm đức Thích-ca khiến chánh pháp của ta cũng một ngàn năm trụ thế, do việc này nên chánh pháp chỉ một ngàn năm.

Hỏi: Sau khi Đức Phật diệt độ đến nay được bao nhiêu năm?

Đáp: Đến nay đã được một ngàn năm trăm chín mươi sáu năm một ngàn năm.

Hỏi: Kinh vì sao nói chánh pháp trụ thế một ngàn năm, lại vì sao ngoài một ngàn có Phật pháp ư?

Đáp: Đây không trái nhau, vì sao? Phật pháp có hai thứ:

1) Chánh đắc.

2) Chánh giáo.

Chánh đắc: Là người đắc đạo. Chánh giáo: Là chánh giáo pháp của Phật. Nói một ngàn năm Phật pháp diệt, đây là căn cứ chánh đắc mà nói, trong một ngàn năm có nhiều người đắc đạo, ngoài một ngàn

rất ít người đăc đạo cho nên gọi là Phật pháp diệt. Chánh giáo pháp: Cho đến muôn năm trụ thế.

Hỏi: Thời Phật pháp diệt có bao nhiêu nhân duyên ư?

Đáp: Có bảy nhân duyên như Kinh Tư Ích nói rộng.

Hỏi: Có ba đại kiếp, ba tiểu kiếp, trong Kinh Pháp Hoa Thân tử chánh pháp trụ thế ba mươi hai tiểu kiếp, tượng pháp cũng ba mươi hai tiểu kiếp, vì sao chỉ nói tiểu kiếp chẳng phải Đại kiếp ư?

Đáp: Đúng là tiểu kiếp, vì sao? Vì Đại kiếp thì không còn thế giới đâu có Phật pháp trụ thế ư! Mà nay nói ba mươi hai kiếp đây là tiểu kiếp.

Hỏi: ba đại kiếp thông cõi tịnh uế, ba tiểu kiếp chỉ có cõi uế, nếu vậy Thân Tư thành Phật đều là Tịnh độ vì sao có tiểu kiếp khởi ư?

Đáp: tiếng Phạm là Kiếp ba, Hán dịch là phân biệt thời tiết. Nay chỉ có thời tiết lâu mau, như số tiểu kiếp khởi tận nên gọi là Tiểu kiếp, thật ra không có tiểu kiếp khởi.

Hỏi: Tiểu kiếp thời gian thế nào?

Đáp: Bắt đầu từ tám muôn bốn ngàn năm dần dần giảm xuống còn mười năm gọi là một tiểu kiếp.

Hỏi: Một Đại kiếp chỉ có tám mươi tiểu kiếp ư? Phẩm Thường Bất khinh nói: chánh pháp của Đức Phật kia trụ thế trong số kiếp nhiều như cát bụi?

Đáp: Đại kiếp có dài ngắn khác nhau, Đại kiếp ngắn chỉ có tám mươi tiểu kiếp, đại kiếp dài thì không nhất định, như một kiếp ở cõi Ta bà so với cõi Cực Lạc ở phương Tây là một ngày một đêm, như vậy mới có trăm muôn a-tăng-kỳ phẩm, như Hoa Nghiêm nói rộng. Do đây suy tìm không có nghi.

Nói về Đức Phật nhập Niết-bàn, kinh này giải thích việc Chư Phật nhập Niết-bàn. Chư Phật có sáu việc cho nên nhập Niết-bàn.

1) Sở ứng thành tựu cõi chúng sinh đã xong, cho nên nhập Niết-bàn.

2) Khiến người Nhị thừa xả tiểu Niết-bàn trở về đại Niết-bàn, vì sao? Vì Như Lai xả thân này trở về pháp thân người Nhị thừa cũng nên xả thân này cầu pháp thân Phật.

3) Vì dứt trừ tâm khinh mạn cho chúng sinh hiểu biết nông cạn họ tin là thân Như Lai có sinh, già, bệnh, chết đồng với thân mình, đối thân Như Lai khởi tưởng khinh chê thấp kém, cho nên nay nói Phật có hai thân: a) Trở lại xả hóa thân nhập diệt, đây đồng với người. b) Pháp thân, là không sinh, già, bệnh, chết đây khác với chúng sinh.

4) Vì muốn chúng sinh sinh tâm khát ngưỡng, nếu thường thấy bất diệt sẽ sinh nhàm chán nên thị hiện xả diệt khiến sinh tâm khát ngưỡng.

5) Khiến chúng sinh siêng tăng tinh tấn ngộ thế gian chẳng thường, Chư Phật có ba thứ lực hơn tất cả mọi người:

a) Năng lực cha mẹ sinh thân hơn tất cả trời người.

b) Năng lực thần thông hơn tất cả mọi người.

c) Năng lực giải thoát hơn tất cả mọi người. Tuy có ba lực mà vẫn bị vô thường huỷ diệt cho nên biết năng lực vô thường kia rất lớn, do đây ngộ thế gian mà siêng năng tu đạo.

6) Vì đã siêng tu đạo khiến cho mau thành tựu, cho nên hiện diệt.

